Psa

Chapter 41

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1

לַמְנַצֵּחַ	מִזְמוֹר	לְדָוִד׃	אַשְׁרֵי	מַשְׂכִּיל	אֶל־	דָּל	בְּיוֹם
cho–nhạc–trưởng	bài–thơ	cho–Đa-vít	phước–thay	thông–hiểu	đến	nghèo–khó	trong–ngày
H5329	H4210	H1732	H0835		H0413	H1800	H3117

רָעָה	יְמַלְּטֵהוּ	יְהוָה׃
điều–ác	thoát–khỏi–người	Đức–Giê-hô-va
	H4422	H3068

> Phước cho người nào đoái đến kẻ khốn cùng! Trong ngày tai họa Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu người.

2

יְהוָה	יִשְׁמְרֵהוּ	וִֽיחַיֵּהוּ	יאשר	]וְאֻשַּׁר[	בָּאָרֶץ	וְאַל־
Đức–Giê-hô-va	giữ–gìn–người	và–sống–lại–người	phước	và–phước	trong–đất	và–đừng
H3068	H8104	H2421	H0833	H0833	H0776	H0408

תִּתְּנֵהוּ	בְּנֶפֶשׁ	אֹיְבָיו׃
ban–cho–người	trong–linh–hồn	kẻ–thù–người
H5414	H5315	H0341

> Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ người, bảo tồn mạng sống người: Người sẽ được phước trên đất, Và Ngài chắc không phó người cho ý muốn của kẻ thù nghịch người.

3

יְהוָה	יִסְעָדֶנּוּ	עַל־	עֶרֶשׂ	דְּוָי	כָּל־	מִשְׁכָּבוֹ	הָפַכְתָּ
Đức–Giê-hô-va	nâng–đỡ	trên	giường	[H1741]	tất–cả	giường–người	lật–đổ
H3068	H5582		H6210	H1741	H3605	H4904	H2015

בְחָלְיוֹ׃
trong–bệnh–tật–người
H2483

> Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người tại trên giường rũ liệt; Trong khi người đau bịnh, Chúa sẽ cải dọn cả giường người.

4

אֲנִי־	אָמַרְתִּי	יְהוָה	חָנֵּנִי	רְפָאָה	נַפְשִׁי	כִּי־
chúng–tôi	nói	Đức–Giê-hô-va	thương–xót–tôi	chữa–lành–nó	linh–hồn–tôi	vì
H0589	H0559	H3068		H7495	H5315	

חָטָאתִי	לָךְ׃
phạm–tội	—
H2398	

> Tôi đã nói: Đức Giê-hô-va ôi! xin thương xót tôi, Chữa lành linh hồn tôi, vì tôi đã phạm tội cùng Ngài.

5

אוֹיְבַי	יֹאמְרוּ	רַע	לִי	מָתַי	יָמוּת	וְאָבַד	שְׁמוֹ׃
kẻ–thù–tôi	nói	xấu	—	bao–giờ	chết	và–diệt–vong	danh–người
H0341	H0559			H4970	H4191	H0006	H8034

> Những kẻ thù nghịch tôi chúc tôi điều ác, mà rằng: Nó sẽ chết chừng nào? Danh nó sẽ diệt khi nào?

6

וְאִם־	בָּא	ולִרְאוֹת	שָׁוְא	יְדַבֵּר	לִבּוֹ	יִקְבָּץ־	אָוֶן	לוֹ	יֵצֵא	לַחוּץ	יְדַבֵּר׃
và–nếu	đến	cho–thấy	sự–hư–không	phán	lòng–người	tập–hợp	sự–gian–ác	—	ra	cho–bên–ngoài	phán
	H0935	H7200	H7723	H1696		H6908	H0205		H3318	H2351	H1696

Nếu có người đến thăm tôi, bèn nói những lời dối trá; lòng nó chứa cho nó gian ác; Rồi nó đi ra ngoài nói lại.

7

יַחַד	עָלַי	יִתְלַחֲשׁוּ	כָּל־	שֹׂנְאָי	ועָלַי	יַחְשְׁבוּ	רָעָה	לִי׃
cùng–nhau	trên–tôi	[H3907]	tất–cả	ghét–tôi	trên–tôi	tính	điều–ác	—
		H3907	H3605	H8130		H2803		

Hết thảy những kẻ ghét tôi đều xầm xì nghịch tôi; Chúng nó toan mưu hại tôi:

8

דְּבַר־	בְּלִיַּעַל	יָצוּק	בּוֹ	וַאֲשֶׁר	שָׁכַב	לֹא־	יוֹסִיף	לָקוּם׃
lời	gian–ác	[H3332]	—	và–mà	nằm	không	thêm	cho–đứng–dậy
H1697	H1100	H3332			H7901	H3808	H3254	

Một thứ bịnh ác dính đeo trên mình nó; Kìa, bây giờ nó nằm rồi, ắt sẽ chẳng hề chổi dậy nữa.

9

גַּם־	אִישׁ	ושְׁלוֹמִי	אֲשֶׁר־	בָּטַחְתִּי	בוֹ	אוֹכֵל	לַחְמִי	הִגְדִּיל	עָלַי	עָקֵב׃
cũng	người	bình–an–tôi	mà	tin–cậy	—	ăn	bánh–tôi	lớn–lên	trên–tôi	gót–chân
H1571	H0376	H7965		H0982		H0398	H3899	H1431		H6119

Đến đỗi người bạn thân tôi, Mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, Cũng giơ gót lên nghịch cùng tôi.

10

וְאַתָּה	יְהוָה	חָנֵּנִי	וַהֲקִימֵנִי	וַאֲשַׁלְּמָה	לָהֶם׃
và–ngươi	Đức–Giê-hô-va	thương–xót–tôi	và–đứng–dậy–tôi	và–trả	cho–họ
	H3068				H1992

Đức Giê-hô-va ôi! xin hãy thương xót tôi, và nâng đỡ tôi, Thì tôi sẽ báo trả chúng nó.

11

בְּזֹאת	יָדַעְתִּי	כִּי־	חָפַצְתָּ	בִּי	כִּי	לֹא־	יָרִיעַ	אֹיְבִי	עָלָי׃
trong–này	biết	vì	ưa–thích	—	vì	không	reo–hò	kẻ–thù–tôi	trên–tôi
H2063	H3045					H3808	H7321	H0341	

Nếu kẻ thù nghịch không thắng hơn tôi, Nhờ đó tôi sẽ nhận biết Chúa đẹp lòng tôi.

12

וַאֲנִי	בְּתֻמִּי	תָּמַכְתָּ	בִּי	וַתַּצִּיבֵנִי	לְפָנֶיךָ	לְעוֹלָם׃
và–chúng–tôi	trong–sự–trọn–vẹn–tôi	nắm–giữ	—	và–dựng–tôi	cho–mặt–ngươi	cho–đời–đời
H0589	H8537	H8551		H5324	H6440	H5769

Song, nhơn vì sự thanh liêm tôi, Chúa nâng đỡ tôi, Lập tôi đứng vững ở trước mặt Chúa đời đời.

13

בָּרוּךְ	ויְהוָה	אֱלֹהֵי	יִשְׂרָאֵל	מֵהָעוֹלָם	וְעַד	הָעוֹלָם	ואָמֵן	וְאָמֵן׃
chúc–phước	Đức–Giê-hô-va	Đức–Chúa–Trời	Y-sơ-ra-ên	đời–đời	và–đến	đời–đời	a-men	và–a-men
H1288	H3068	H0430	H3478	H5769	H5704	H5769	H0543	H0543

Đáng ngợi khen Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Từ trước vô cùng cho đến đời đời! A-men, A-men!